TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2024/DS-PT
Ngày 13-5-2024
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Hồng Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2024/TLPT-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đặng Minh S, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số H, đường H, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơ*n:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: số D, đường N, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 30/6/2022).

2. Ông Đặng Minh L, sinh năm 1985; địa chỉ: số H, đường H, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đinh Lê Huỳnh T1, sinh năm 1987; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ; địa chỉ cư trú: số H đường H, Phường E, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 10/6/2022).

- *Bị đơn:* bà Đặng Thị D, sinh năm 1959;

Địa chỉ: số A đường P, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Huỳnh Hà Quốc B, sinh năm 1984; địa chỉ: số B, Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản uỷ quyền ngày 02/01/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đặng Văn K, sinh năm 1941;

Địa chỉ: số D, Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Trần Thị Diễm H, sinh năm 1994;

Địa chỉ: số A, đường P, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

3. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975;

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: số A Khu phố Q, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ cư trú: số A, đường P, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

4. Cháu Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 2012.

5. Cháu Nguyễn Đăng K1, sinh năm 2017.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của cháu H1, cháu K1: bà Trần Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn T2.

6. Ông Lê Văn D1, sinh năm 1959;

Địa chỉ: số A đường P, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

7. Anh Đoàn Thành D2, sinh năm 1992;

Địa chỉ: A Tổ E, Ấp A, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Địa chỉ trụ sở: số A đường V, Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đặng Thị D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 30/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Đặng Minh S cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Về mối quan hệ huyết thống: ông S và ông Đặng Văn B1 là anh em ruột con của cụ Đặng Văn B2, sinh năm 1912 (đã chết ngày 23/01/1963) và cụ Nguyễn Thị T3, sinh năm 1911 (đã chết ngày 20/8/2006). Cụ B2 và cụ T3 có 05 người con là:

1. Ông Đặng Ngọc M, chết năm 2020, có vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh năm 1959 và có 02 con là Đặng Hồng H2, sinh năm 1991 và Đặng Hồng P, sinh năm 1988.

2. Ông Đặng Văn B1, chết năm 2021, không có vợ, con.

3. Ông Đặng Minh S.

4. Bà Đặng Thị D.

5. Ông Đặng Văn K.

Ngoài ra, cụ B2 và cụ T3 không có con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác. Theo Văn bản thỏa thuận đứng tên quyền sử dụng đất được Văn phòng C công chứng cùng ngày 18/3/2020, ông S, ông Đặng Văn B1 đứng tên đồng sử dụng thửa đất số 238, diện tích 203,2m^2, loại đất ODT, tờ bản đồ số 41, Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 061408 và số CV 06109 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông S và ông B1 cùng ngày 14/4/2020.

Ông S sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh, không trực tiếp quản lý đất. Trong diện tích thửa đất có ½ diện tích đất trống, ½ diện tích đất có căn nhà cũ của ông B1 sử dụng. Bà Đặng Thị D được thừa hưởng phần đất riêng do cha mẹ để lại. Diện tích đất bà D sử dụng lớn hơn diện tích đất ông S, ông B1 sử dụng, tiếp giáp với thửa đất của ông S và ông B1 và đã xây dựng nhà ở kiên cố gắn liền với đất. Sinh sống cùng với bà D là con gái là bà Trần Thị Diễm H và ông Nguyễn Văn T2 là chồng bà H.

Năm 2021, ông Đặng Văn B1 qua đời, để lại quyền sử dụng đất và căn nhà cũ trên thửa đất đồng sử dụng với ông S. Do ông B1 chết không để lại di chúc nên ông S yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông B1 đều không còn (cha, mẹ chết trước), hàng thừa kế thứ hai của ông B1 gồm 03 anh, em ruột của ông B1: ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D và ông Đặng Văn K. Do ông Đặng Ngọc M chết trước ông B1 nên không được hưởng thừa kế di sản của ông B1 chết để lại theo quy định tại Điều 613, 619 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết phân chia di sản thừa kế cho những người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông B1 là ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D và ông Đặng Văn K.

Sau khi ông B1 qua đời, bà D cùng với Trần Thị Diễm H, Nguyễn Văn T2 tháo dỡ căn nhà cũ của ông Đặng Văn B1 để xây dựng nhà đất gần hết thửa đất do ông S và ông B1 đứng đồng sử dụng. Khi bà D xây nhà không hỏi ý kiến của ông S và cũng không xin phép chính quyền địa phương.

Khi biết bà D xây nhà, ông S gởi đơn đến các cơ quan chức năng thông báo yêu cầu xử lý việc bà D, bà H và ông T2 chiếm đất và xây dựng nhà trên đất thuộc quyền sử dụng của ông S và ông B1. Các cơ quan chức năng như Ủy ban nhân dân thị trấn B, Ủy ban nhân dân huyện B có tiếp nhận đơn nhưng chưa giải quyết.

Vào khoảng tháng 7/2023 phía bên bà D có sửa chữa, xây dựng căn nhà tiền chế trên một phần đất thuộc vị trí Khu (C) theo Mảnh trích đo địa chính số 3 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 06/01/2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 12/01/2023, khác so với hiện trạng trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 21/12/2022 và đã được Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ lại và xác minh có người thuê phần đất này.

Ông Đặng Minh S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Đặng Thị D, vợ chồng bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 cùng 02 con ruột là Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Đăng K1 phải ra khỏi nhà cấp 4, tại vị trí khu (A), kí hiệu nhà (1), có diện tích đo đạc thực tế là 81m^2 và nhà tạm kí hiệu (3), có diện tích đo đạc thực tế là 41,5m^2 được xây dựng trên thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41 để trả lại nhà, đất cho ông Đặng Minh S quản lý, sử dụng và sở hữu.

Buộc vợ chồng bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 và ông Đoàn Thành D2 có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ căn nhà tạm tại vị trí khu (A), kí hiệu (3), có diện tích đo đạc thực tế là 41,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41, cùng với tài sản thuộc quyền sở hữu của ông D2 ra khỏi thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41 để cho ông Đặng Minh S quản lý, sử dụng và sở hữu.

Xác định ông Đặng Minh S được quyền sử dụng ½ diện tích đất thuộc thửa 238, diện tích 203,2m^2 (đo đạc thực tế là 198,8m^2), tờ bản đồ 41, loại đất ODT, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Đặng Văn B1 để lại là ½ diện tích đất thửa 238, diện tích 203,2m^2 (đo đạc thực tế là 198,8m^2), tờ bản đồ 41, loại đất ODT, đất tọa lạc thị trấn B, tỉnh Long An. Ông S yêu cầu chia di sản thừa kế làm 03 phần cho ông S, bà D và ông Đặng Văn K. Ông S yêu cầu được hưởng bằng hiện vật 1/3 di sản và ông S hoàn giá trị 2/3 di sản cho bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn K. Ngoài ra, ông S không còn yêu cầu nào khác.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm trình bày như sau:

Bà D thống nhất với người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn về mối quan hệ huyết thống, tuy nhiên bà D có nghe nói ông B1 có vợ, con nhưng không có chứng cứ gì để nộp cho Tòa án. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh S, thì người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bị đơn có ý kiến như sau:

1. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tháo dỡ công trình xây dựng trên một phần thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41 tại khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông Đặng Minh S và ông Đặng Văn B1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là căn nhà cấp 4, tường gạch, mái tôn, diện tích đo đạc thực tế là 81m^2. Ý kiến của bị đơn là không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, vì đây là tài sản của bị đơn, ông T2, bà H có công sức cùng với bà D sửa chữa căn nhà này vào ngày 20/4/2021 (âm lịch).

2. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn B1 là ½ diện tích thửa đất 238, tờ bản đồ số 41, đất tọa lạc tại Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do ông Đặng Minh S và ông Đặng Văn B1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn yêu cầu hưởng di sản bằng hiện vật, tương đương 1/6 diện tích thửa đất số 238 và thối hoàn giá trị kỷ phần 2/6 giá trị thửa đất 238 cho bị đơn và ông Đặng Văn K, thì bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn, bởi vì:

- Thứ nhất: di sản của ông Đặng Văn B1 không chỉ có đất mà có thêm công trình gắn liền trên đất;

- Thứ hai: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Đặng Văn B1 sang cho ông Đặng Minh S chưa hoàn thành, cụ thể là ông S chưa thanh toán tiền cho ông B1 theo Văn bản thỏa thuận đứng tên quyền sử dụng đất lập ngày 18/3/2020 được Văn phòng C chứng thực cùng ngày, số công chứng 01824, quyển số 01-2020-TP/CC-SCC/HĐGD với số tiền là 737.000.000 đồng tương ứng với giá trị phần đất ông S được đứng tên. Việc thanh toán số tiền nêu trên do hai bên tự thực hiện ngoài sự chứng kiến của Công chứng viên và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Thứ ba: là phải tính công sức bị đơn giữ gìn di sản, tôn tạo di sản, thờ cúng ông Đặng Văn B1.

Bà D có yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu được chia thêm 02 kỷ phần thừa kế của ông Đặng Văn B1 chết để lại, bao gồm 01 kỷ phần do bà D có công sức tôn tạo, giữ gìn di sản và 01 kỷ phần do chăm sóc, nuôi bệnh cho ông B1;

- Yêu cầu ông S thanh toán số tiền 737.000.000 đồng cho ông B1 (do ông B1 chết nên yêu cầu thanh toán cho những người thuộc hàng thừa kế của ông B1 theo quy định pháp luật. Đồng thời, vào khoảng tháng 7/2023 bên bà D có sửa chữa, xây dựng căn nhà tiền chế trên một phần thửa đất (Khu C, vị trí nhà 3) theo Mảnh trích đo địa chính số 3 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 06/01/2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 12/01/2023 để buôn bán, khác so với hiện trạng trong Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án lập ngày 21/12/2022. Bà D sẽ chấp hành theo Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án, không có yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định lại hoặc định giá bổ sung đối với căn nhà này. Bà D không còn có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 xác định: trường hợp, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì bà H, ông T2 sẽ đồng ý để cho bà D đứng ra khởi kiện yêu cầu ông S phải thanh toán lại giá trị công trình kiến trúc trên đất theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T5 thực hiện có giá trị thành tiền là 310.935.875 đồng. Số tiền sử dụng để xây dựng công trình kiến trúc nêu trên là của bà D bỏ tiền ra sửa chữa, xây dựng lại, vợ chồng bà H, ông T2 sinh sống cùng với bà D nên có đóng góp công sức khi sửa chữa căn nhà này, không có yêu cầu gì trong vụ án. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp giữa bà D với bà H, ông T2, thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Hiện tại, bà H, ông T2 cùng 02 con là Nguyễn Thị Diễm H1, sinh năm 2012 và Nguyễn Đăng K1, sinh năm 2017 và bà D đang sinh sống trên phần nhà, đất này. Ngoài ra, căn nhà nêu trên trước đây chồng bà D là ông Trần Minh T4 (chết năm 2017) cũng sinh sống cho đến khi chết và hiện nay vẫn đang thờ cúng ông T4 trong căn nhà này.

Ông Đặng Văn K trình bày:

Về quan hệ huyết thống, thì ông thống nhất theo trình bày của ông S. Do đó, hiện tại di sản thừa kế của ông Đặng Văn B1 được xem xét chia thừa kế theo pháp luật gồm ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D và ông.

Khi ông B1 còn sống các anh em đã thỏa thuận để cho ông B1 quản lý căn nhà

thờ được xây dựng trên thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41, đất tọa lạc tại khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An. Ông không có nghe sự việc ông Đặng Minh S đứng đồng sở hữu chung thửa đất nêu trên với ông Đặng Văn B1.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông B1, thì ông cũng đồng ý yêu cầu được chia 1/6 giá trị thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41 là di sản của ông B1 chết để lại, đất tọa lạc tại khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An, ông không yêu cầu chia căn nhà cấp 4 mà hiện tại bà D đã sửa chữa trên thửa đất. Hiện tại, việc thờ cúng hàng năm của cha mẹ của ông do ông thờ cúng mẹ và ông S làm đám giỗ cho cha ông. Bà D làm đám giỗ cho ông B1.

Ông Đoàn Thành D2 có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: theo Biên bản lấy lời khai do Tòa án lập ngày 21/8/2023, thì xác định do cần mặt bằng để kinh doanh nên ông được bà D, vợ chồng bà H, ông T2 cho bán vịt quay thuộc 01 phần thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có lập Hợp đồng thuê mặt bằng nên anh có xây tạm cơ sở vịt quay Thịnh V không có xin phép chính quyền địa phương. Tuy nhiên, ông D2 không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án và sẽ nghiêm chỉnh chấp hành Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ông Lê Văn D1 có đơn xét xử vắng mặt trình bày: ông là người sử dụng trực tiếp, ổn định thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, liền kề với thửa đất 238, tờ bản đồ số 41, hai bên có ranh giới tường rào kiên cố nên ông không có ý kiến hay tranh chấp gì trong vụ án.

Trong văn bản ngày 19/9/2023, Ủy ban nhân dân thị trấn B trình bày: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đối với phần diện tích đất mà bị đơn đã xây dựng lấn chiếm đất là 1,5m^2, thuộc đất Ủy ban nhân dân thị trấn quản lý.

Vụ án được Toà án cấp sơ thẩm tổ chức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức đã căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các Điều 613, 619, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Án lệ số 52/2021/AL ngày 25/11/2021 của Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh S về việc tranh chấp "về thừa kế tài sản" với bị đơn bà Đặng Thị D.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đặng Thị D yêu cầu chia thêm 02 kỷ phần di sản và chia số tiền 737.000.000 đồng đối với ông Đặng Minh S.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Đặng Văn K về việc chia di sản thừa kế của ông Đặng Văn B1 chết để lại theo pháp luật.

4. Di sản của ông Đặng Văn B1 chết để lại là ½ diện tích thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 203,2m^2, đo đạc thực tế là 198,8m^2, loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Đặng Minh S cùng ông Đặng Văn B1 đứng tên ngày 14/4/2020 cùng tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4.

5. Về hàng thừa kế của ông Đặng Văn B1: hàng thừa kế thứ hai của ông B1 là ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D và ông Đặng Văn K.

6. Buộc nguyên đơn ông Đặng Minh S có trách nhiệm chia kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Đặng Thị D được sở hữu số tiền là 1.135.331.970 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm bảy mươi đồng)* và hoàn trả giá trị căn nhà cấp 4 được định giá thành tiền là 310.935.875 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm mười triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng)*.

7. Buộc nguyên đơn ông Đặng Minh S có trách nhiệm chia kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho ông Đặng Văn K được sở hữu số tiền là 1.135.331.970 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ một trăm ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi mốt ngàn chín trăm bảy mươi đồng)*.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Buộc bà Đặng Thị D, vợ chồng bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 cùng với 02 con ruột của bà H, ông T2 là Nguyễn Thị Diễm H1, Nguyễn Đăng K1 phải ra khỏi nhà cấp 4, tại vị trí khu (A), kí hiệu nhà (1), có diện tích đo đạc thực tế là 81m^2 và nhà tạm kí hiệu (3), có diện tích đo đạc thực tế là 41,5m^2 được xây dựng trên thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41 để trả lại nhà, đất cho ông Đặng Minh S quản lý, sử dụng và sở hữu.

9. Buộc vợ chồng bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 và ông Đoàn Thành D2 có trách nhiệm tháo dỡ di dời toàn bộ căn nhà tạm tại vị trí khu (A), kí hiệu (3), có diện tích đo đạc thực tế là 41,5m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41, cùng với tài sản thuộc quyền sở hữu của anh D2 ra khỏi thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41 cho ông Đặng Minh S quản lý, sử dụng và sở hữu.

10. Ông Đặng Minh S được toàn quyền quản lý sử dụng thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 203,2m^2, đo đạc thực tế là 198,8m^2, loại đất ODT, đất tọa lạc tại khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Đặng Minh S cùng ông Đặng Văn B1 đứng tên ngày 14/4/2020, cùng tài sản gắn liền trên thửa đất là căn nhà cấp 4, tại vị trí khu (A), kí hiệu nhà (1), có diện tích đo đạc thực tế là 81m^2 và nhà tạm kí hiệu (3), có diện tích đo đạc thực tế là 41,5m^2.

(Tất cả vị trí tứ cận diện tích nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số số 3-2023 do Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 06/01/2023, được Chi nhánh văn phòng

đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 12/01/2023; bản phân khu ngày 21/8/2023 của Công ty TNHH Đ; Chứng thư thẩm định giá số 130.2023VT.HS ngày 24/02/2023 của Công ty Cổ phần T5 đính kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm).

Ông Đặng Minh S có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục kê khai, điều chỉnh diện tích đất nêu trên theo qui định của pháp Luật Đất đai.

11. Chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 36.400.000 đồng. Các đương sự mỗi người được chia kỷ phần di sản ngang nhau nên ông S, bà D, ông K mỗi người phải chịu số tiền là 12.133.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên buộc bà Đặng Thị D phải hoàn trả cho ông Đặng Minh S số tiền là 12.133.000 đồng. Ông Đặng Văn K phải hoàn trả cho ông Đặng Minh S số tiền là 12.133.000 đồng.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

12.1. Ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn K thuộc đối tượng miễn án phí nên không phải chịu án phí.

12.2. Anh Đoàn Thành D2 phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/01/2024, bị đơn bà Đặng Thị D làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn ông Đặng Minh S do ông Nguyễn Văn T, ông Đặng Minh L, bà Đinh Lê Huỳnh T1 đại diện không rút đơn kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K không rút đơn yêu cầu độc lập, bị đơn bà Đặng Thị D do ông Huỳnh Hà Quốc B đại diện không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự gồm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K, bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 thoả thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung của vụ án. Theo đó, ông S, bà D được chia thừa kế bằng hiện vật, ông K sẽ nhận thừa kế bằng tiền 1.000.000.000đồng do ông S giao lại, quyền sử dụng đất bà D được nhận sẽ được chuyển cho bà Diễm H đứng tên. Cụ thể, phần diện tích đất của bà D được nhận chuyển cho bà Diễm H bao gồm phần thừa kế của bà D và một phần công sức do ông S và ông K giao lại, sau khi tách thửa thì xác định phần diện tích đất bà D được chia có vị trí hướng Nam của thửa 238, giáp liền với phần diện tích đất của thửa 23 của bà Trần Thị Diễm H, có chiều ngang giáp đường Phan Văn M1 là 2m, chiều ngang giáp thửa 24 ở hướng Tây là 1m, phần diện tích còn lại của thửa 238 là của ông S; bà Diễm H có trách nhiệm lập thủ tục nhập phần diện tích đất được chia với thửa 23 cho đủ điều kiện tách thửa. Đối với phần căn nhà có trên đất thì phía bà D, bà Diễm H, ông T2 có trách nhiệm tháo dỡ để giao đất cho ông S. Các phần còn lại giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng:

Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị D trong thời hạn luật định, hợp lệ nên đề nghị được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị D thấy rằng: tại phiên toà phúc thẩm các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị D được thực hiện đúng quy định tại Điều 272, 273, 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: ông Lê Văn D1, ông Đoàn Thành D2, Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Nguyên đơn ông Đặng Minh S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với ½ thửa đất số 238 tờ bản đồ số 41; yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị D cùng vợ chồng bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 giao trả căn nhà cấp 4, diện tích 81m^2 đồng thời tháo dỡ căn nhà đã xây dựng trên phần đất này để giao đất lại cho ông S. Bị đơn bà Đặng Thị D có yêu cầu phản tố yêu cầu chia thừa kế di sản của ông B1, yêu cầu chia công sức nuôi dưỡng và công sức đóng góp tài sản. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K có yêu cầu độc lập, yêu cầu chia thừa kế. Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nên bà D làm đơn kháng cáo.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự gồm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Đặng Minh L, bà Đinh Lê Huỳnh T1 cùng người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Hà Quốc B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K, bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung của vụ án. Theo đó, ông S, bà D được chia thừa kế bằng hiện vật, ông K sẽ nhận thừa kế bằng tiền là 1.000.000.000 đồng do ông S giao lại, quyền sử dụng đất bà D được nhận sẽ được chuyển cho bà Diễm H đứng tên, đối với vật kiến trúc trên đất thì phía bà D, bà Diễm H, ông T2 có trách nhiệm tháo dỡ để giao đất cho ông S. Cụ thể, phần diện tích đất của bà D được nhận có giá trị bằng một kỷ phần thừa kế là 1.135.331.970 đồng và phần công sức do ông K chuyển sang là 135.331.970 đồng và ông S chuyển sang là 64.668.030 đồng, tổng cộng là 1.235.331.970 đồng. Diện tích đất bà D được nhận có chiều ngang giáp đường Phan Văn M1 là 1,36m, chiều ngang giáp thửa 24 ở hướng Tây là 1m; tuy nhiên ông S đồng ý cho bà D được nhận phần diện tích đất có chiều ngang giáp đường Phan Văn M1 2m nhiều hơn diện tích đất bà D được chia, có lợi cho bà D nên công nhận sự thoả thuận này. Theo đó, sau khi tách thửa, phần diện tích đất bà D được chia có vị trí hướng Nam của thửa 238, giáp liền với phần diện tích đất của thửa 23 của bà Trần Thị Diễm H, có chiều ngang giáp

đường Phan Văn M1 là 2m, chiều ngang giáp thửa 24 ở hướng Tây là 1m, phần diện tích còn lại là của ông S, bà Diễm H có trách nhiệm lập thủ tục nhập phần diện tích đất được chia với thửa 23 của bà H cho đủ điều kiện tách thửa. Đối với phần căn nhà và vật kiến trúc khác có trên đất thì phía bà D, bà Diễm H, ông T2 có trách nhiệm tháo dỡ để giao đất cho ông S. Các phần còn lại giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự không trái pháp luật, căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Các khoản khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn K là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên xem xét miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị D.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 118/2023/DS-ST ngày 20/12/2023 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức.

Căn cứ Điều 26, 37, 39, 147, 148, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 613, 619, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 99, 166, 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm như sau:

1.1. Xác định di sản của ông Đặng Văn B1 chết để lại là ½ diện tích thửa đất số 238, tờ bản đồ số 41, diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 203,2m^2, đo đạc thực tế là 198,8m^2, loại đất ODT, đất tọa lạc tại Khu phố G, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Đặng Minh S cùng ông Đặng Văn B1 đứng tên ngày 14/4/2020 cùng tài sản gắn liền trên đất là căn nhà cấp 4.

1.2. Xác định người thừa kế của ông Đặng Văn B1: là những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông B1 gồm ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D và ông Đặng Văn K.

1.3. Chia di sản thừa kế như sau:

1.3.1. Chia di sản thừa kế cho bà Đặng Thị D do bà Trần Thị Diễm H nhận diện tích 40,8m^2 đất thuộc một phần thửa 238 tờ bản đồ số 41. Theo Mảnh trích đo địa chính số 3-2023 của Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 06/01/2023, được Chi nhánh

Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 12/01/2023 và Mảnh trích đo phân khu ngày 10/5/2024 của Công ty TNHH Đ thì phần diện tích đất bà Diễm H được nhận có vị trí giáp liền với thửa đất số 23 của bà Diễm H tại khu A, có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp đường Phan Văn M1 dài 2m

Tây giáp thửa 24 dài 1m

Nam giáp thửa 23 dài 28m

Bắc giáp phần còn lại thửa 238 dài 27,7m.

Bà Trần Thị Diễm H được quyền kê khai đăng ký, cấp quyền sử dụng đối với phần diện tích đất được chia đồng thời lập thủ tục nhập phần diện tích đất được chia với thửa đất số 23 của bà H để đủ điều kiện tách thửa theo Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh L.

1.3.2. Chia quyền sử dụng đất và di sản thừa kế cho ông Đặng Minh S diện tích 158m^2 đất thuộc một phần thửa 238 tờ bản đồ số 41. Theo Mảnh trích đo địa chính số 3-2023 của Công ty TNHH Đ đo vẽ ngày 06/01/2023, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B duyệt ngày 12/01/2023 và Mảnh trích đo phân khu ngày 10/5/2024 của Công ty TNHH Đ thì phần diện tích đất ông S được nhận có vị trí tại khu A diện tích 158m^2 có vị trí tiếp giáp như sau:

Đông giáp đường Phan Văn M1 dài 7,67m; 0,33m

Tây giáp thửa 24 dài 4m

Nam giáp phần còn lại thửa 238 dài 27.7m

Bắc giáp phần còn lại thửa 238 dài 27.04m.

Ông Đặng Minh S được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê khai đăng ký, chỉnh lý cấp quyền sử dụng đối với phần diện tích đất được chia.

Bà Đặng Thị D, vợ chồng bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 và ông Đoàn Thành D2 có trách nhiệm tháo dỡ, di dời toàn bộ vật kiến trúc trên phần diện tích đất ông S được chia để giao đất cho ông S.

Trường hợp bà Đặng Thị D, bà Trần Thị Diễm H, ông Nguyễn Văn T2 và ông Đoàn Thành D2 không thực hiện tháo dỡ thì ông S được quyền phá bỏ toàn bộ vật kiến trúc trên đất để nhận phần đất được chia.

1.3.3. Ông Đặng Văn K được chia thừa kế với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ông Đặng Minh S có trách nhiệm giao cho ông K số tiền 1.000.000.000đồng.

2. Về chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ tổng cộng là 36.400.000 đồng. Ông S, bà D, ông K mỗi người phải chịu số tiền là 12.133.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí này nên buộc bà Đặng Thị D (do bà Trần Thị Diễm H hoàn trả thay) phải hoàn trả cho ông Đặng Minh S số tiền là 12.133.000 đồng. Ông Đặng Văn K phải hoàn trả cho ông Đặng Minh S số tiền là 12.133.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Miễn án phí cho ông Đặng Minh S, bà Đặng Thị D, ông Đặng Văn K.

Ông Đoàn Thành D2 phải chịu 300.000 đồng án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

5. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Nga